

## KẾT QUẢ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH - ĐỢT 1 NĂM 2022

| STT                    | SỐ BD   | HỌ TÊN             |        | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | KẾT QUẢ THI CÁC MÔN |              | GHI CHÚ |
|------------------------|---------|--------------------|--------|------------|------------|---------------------|--------------|---------|
|                        |         |                    |        |            |            | Bảo vệ đề cương     | Ngoại ngữ    |         |
| NGÀNH: CNDVBC&CNDVLS   |         |                    |        |            |            |                     |              |         |
| 1                      | DV90008 | Trần Thị Châu      | Châu   | 07/01/1988 | Nghệ An    | 9.00                | XT ngoại ngữ |         |
| 2                      | DV90009 | Mai Thị Hồng       | Hà     | 05/12/1981 | Thanh Hóa  | 9.20                | XT ngoại ngữ |         |
| 3                      | DV90011 | Lường Thị Phương   | Phượng | 12/05/1989 | Thanh Hoá  | 8.50                | XT ngoại ngữ |         |
| NGÀNH: DÂN TỘC HỌC     |         |                    |        |            |            |                     |              |         |
| 4                      | DT90001 | Nguyễn Thị Nguyên  | Lê     | 23/09/1987 | Bình Định  | 8.00                | XT ngoại ngữ |         |
| NGÀNH: LÝ LUẬN VĂN HỌC |         |                    |        |            |            |                     |              |         |
| 5                      | LL90002 | Nguyễn Thị Bảo     | Anh    | 24/11/1991 | Bình Định  | 9.50                | XT ngoại ngữ |         |
| 6                      | LL90003 | Phan Văn Tiến      | Tiến   | 03/10/1981 | Bạc Liêu   | 8.00                | XT ngoại ngữ |         |
| NGÀNH: NGÔN NGỮ HỌC    |         |                    |        |            |            |                     |              |         |
| 7                      | NN90004 | Trương Chí Hùng    | Hùng   | 25/02/1985 | An Giang   | 7.00                | XT ngoại ngữ |         |
| NGÀNH: TRIẾT HỌC       |         |                    |        |            |            |                     |              |         |
| 8                      | TH90010 | Nguyễn Ngọc Kim    | Ngân   | 25/03/1980 | Tiền Giang | 8.50                | XT ngoại ngữ |         |
| 9                      | TH90012 | Lại Quang          | Ngọc   | 30/03/1978 | Thanh Hóa  | 7.00                | XT ngoại ngữ |         |
| 10                     | TH90013 | Dương Văn Sang     | Sang   | 21/01/1976 | Vĩnh Long  | 6.80                | XT ngoại ngữ |         |
| 11                     | TH90014 | Huỳnh Thị Phương   | Thúy   | 17/08/1987 | Bình Thuận | 8.50                | XT ngoại ngữ |         |
| 12                     | TH90015 | Đoàn Xuân Toàn     | Toàn   | 20/06/1990 | Quảng Bình | 7.60                | XT ngoại ngữ |         |
| 13                     | TH90016 | Phan Thị Bích Trâm | Trâm   | 14/08/1981 | Bình Định  | 7.30                | XT ngoại ngữ |         |
| NGÀNH: VĂN HÓA HỌC     |         |                    |        |            |            |                     |              |         |
| 14                     | VH90017 | Trịnh Ngọc Linh    | Linh   | 10/08/1991 | Bạc Liêu   | 7.30                | XT ngoại ngữ |         |
| NGÀNH: XÃ HỘI HỌC      |         |                    |        |            |            |                     |              |         |
| 15                     | XH90005 | Trần Lê Diễm       | Anh    | 10/10/1973 | Lâm Đồng   | 8.30                | XT ngoại ngữ |         |
| 16                     | XH90006 | Ngô Văn Huân       | Huân   | 20/05/1982 | Nghệ An    | 8.80                | XT ngoại ngữ |         |
| 17                     | XH90007 | Tổng Thị Hương     | Hương  | 01/09/1988 | Thanh Hóa  | 8.30                | XT ngoại ngữ |         |

Tổng số thí sinh: 17

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 6 năm 2022



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Tấn Hạ